

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 06-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hiến;
2. Ông Nguyễn Thoại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thúy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo: **Lê Thị T**, sinh ngày 27/9/1993; HKTT: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nơi ở: Khu phố C, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Cảnh T1 và bà Võ Thị G; cả hai cùng trú tại Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Làm rẫy; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con đầu; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Q từ ngày 07/9/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

1. Anh Lê Văn D, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Anh Trương Ngọc A, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Danh H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số G đường H, thành phố Đ,

tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngô Hoài L, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ D, Phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Anh Hồ Quang M, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1946; địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị T là nhân viên bán hàng tại Cửa hàng Điện máy xanh Phường C, Đ có mối quan hệ quen biết với Trương Ngọc A, quản lý cửa hàng Đ2; Nguyễn Chí Đ, quản lý cửa hàng Đ3 và Lê Văn D, quản lý cửa hàng Điện máy xanh Chi nhánh B. Biết T thường xuyên bán máy điện thoại vượt chỉ tiêu mà Công ty giao nên các anh A, Đ và D đã nhờ T bán giúp điện thoại.

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/11/2022 đến ngày 27/11/2022, T đã bán giúp cho anh A, anh Đ và anh D 06 điện thoại di động với số tiền 204.200.000 đồng. Sau khi bán xong điện thoại, có tiền, T nảy sinh ý định chiếm đoạt, đưa ra các thông tin gian dối, thay số điện thoại để cắt liên lạc, đi nhiều nơi để trốn tránh việc trả tiền cho anh A, anh Đ và anh D. Cụ thể như sau:

- Ngày 14/11/2022, anh D giao 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max 256GB Green Laef cho T tại Khu phố E, Phường C, thành phố Đ để nhờ T bán giúp. T đồng ý.

Ngày 17/11/2022, T liên hệ với anh Nguyễn Danh H - chủ cửa hàng điện thoại di động T. Anh H đồng ý mua máy điện thoại trên với giá 28.400.000 đồng. Thương báo lại giá cho anh D và anh D đồng ý bán. T chuyển điện thoại cho anh H và anh H đã chuyển 30.500.000 đồng từ số tài khoản 107871317777 của Nguyễn Danh H đăng ký tại Ngân hàng TMCP C đến số tài khoản 109005630923 của Lê Thị T đăng ký tại ngân hàng V (trong đó tiền bán máy cho D là **28.400.000** đồng và tiền T bán bút cảm ứng điện thoại của T là 2.100.000 đồng).

- Khoảng từ ngày 23 đến ngày 24/11/2022, anh D tiếp tục nhờ T bán máy điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 128GB Silver. T đồng ý bán và điện thoại cho anh Nguyễn Ngô Hoài L - chủ cửa hàng điện thoại di động H. Anh L đồng ý mua máy điện thoại trên với giá 31.000.000 đồng. Thương báo lại giá cho anh D thì anh D đồng ý bán với giá 31.000.000 đồng. Sau đó, anh D đưa máy điện thoại trên đến khu phố E, Phường C, thành phố Đ và giao cho T. T lấy điện thoại trên gửi xe khách vào thành phố H bán cho anh L. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/11/2022, anh L nhận được điện thoại của T gửi.

- Ngày 23/11/2022, anh A nhờ T bán giúp anh A 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 128GB Gold. T đồng ý và gọi cho anh L để chào bán, anh L đồng ý mua máy điện thoại trên với giá 31.000.000 đồng. Thương báo lại giá cho anh A và anh A đồng ý bán với giá 31.000.000 đồng..

Ngày 24/11/2022, anh A đến giao điện thoại cho T tại phòng trọ của T ở Khu phố A, Phường B, thành phố Đ. Sau khi nhận được điện thoại, ngày 25/11/2022, T gửi xe khách vào thành phố H bán cho anh L. Cùng ngày, anh L nhận được điện thoại

Đến 14 giờ 39 phút, ngày 25/11/2022 anh L chuyển 62.000.000 đồng từ tài khoản số 0779754444 của Nguyễn Ngô Hoài L đăng ký Ngân hàng TMCP Q đến số tài khoản 109005630923 của Lê Thị T đăng ký ngân hàng V để thanh toán tiền mua 02 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 128GB Silver và nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 128GB Gold.

- Sáng ngày 25/11/2022, anh A tiếp tục điện thoại cho T để nhờ bán thêm 02 máy điện thoại di động (01 máy nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 512GB Space Black và 01 máy nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 512GB Gold). T đồng ý, sau đó T điện thoại cho anh H để chào bán máy, anh H đồng ý mua 02 máy điện thoại trên với giá 40.000.000 đồng/máy. Thương báo lại giá cho anh A thì anh A đồng ý bán với giá 40.000.000 đồng/máy.

Sáng ngày 26/11/2022, anh A lấy máy điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 512GB Space Black và máy điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 512GB Gold gửi cho anh Hồ Quang M - nhân viên bán hàng Tivi SamSung Điện máy xanh đường T thành phố Đ để nhờ anh M giao cho T. Sáng cùng ngày, anh M đã giao 02 máy điện thoại trên giao cho T tại nhà trọ của T.

Sau khi nhận được 02 máy điện thoại trên thì khoảng 13 giờ 00 phút ngày 26/11/2022, T đã đưa 02 máy điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại di động Thành Đ1 bán cho anh H với tổng số tiền 80.000.000 đồng. Ngay sau khi nhận điện thoại, anh H đã chuyển trả tiền mua 02 máy điện thoại cho Lê Thị T 80.000.000 đồng từ số tài khoản 107871317777 của Nguyễn Danh H đăng ký tại Ngân hàng TMCP C đến số tài khoản 109005630923 của Lê Thị T đăng ký tại ngân hàng V.

- Ngày 24/11/2022, anh Nguyễn Chí Đ điện thoại cho T để nhờ T bán giúp điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max 256GB Gold. T đồng ý và gọi điện thoại cho anh H để chào bán máy, anh H đồng ý mua máy trên với giá 33.800.000 đồng. T báo giá lại cho anh Đ thì anh Đ đồng ý bán với giá 33.800.000 đồng.

Ngày 25/11/2022, anh Đ đưa máy điện thoại trên về phòng trọ của T và giao cho T bán. Sau đó, T đưa máy điện thoại đến cửa hàng điện thoại di động Thành Đ1 bán cho anh H với số tiền 33.800.000 đồng. Anh H đã chuyển 33.800.000 đồng tiền mua máy điện thoại cho T từ số tài khoản 107871317777 của Nguyễn Danh H đăng ký tại

Ngân hàng TMCP C đến số tài khoản 109005630923 của Lê Thị T đăng ký tại ngân hàng V.

Sau khi bán 06 máy điện thoại giúp cho các anh D, anh A và anh Đ1 được tổng số tiền 204.200.000 đồng. Sau khi nhận được tiền bán điện thoại, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này. Ngày 27/11/2022, khi các anh A, anh Đ1, anh D yêu cầu T trả tiền, T đã đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật như đang ốm đau nằm viện, bỏ trốn khỏi nhà trọ, chuyển đi sinh sống nhiều nơi, thay số điện thoại để cắt liên lạc với các anh A, anh Đ1, anh D nhằm để trốn tránh việc trả tiền, chiếm đoạt số tiền **204.200.000** đồng.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSDH ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Lê Thị T** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng Khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị T** từ **36** đến **42** tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc Lê Thị T tiếp tục bồi thường cho: Anh Lê Văn D số tiền 39.400.000 đồng; anh Trương Ngọc A số tiền 76.000.000 đồng. Anh Nguyễn Chí Đ số tiền 18.800.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày

17/11/2022 đến ngày 27/11/2022 Lê Thị T đã có hành vi nhận được tài sản của anh Trương Ngọc A, Nguyễn Chí Đ và Lê Văn D bằng hình thức hợp đồng rồi đưa ra thông tin gian dối, bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản với số tiền 204.200.000 đồng nên phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều luật quy định khung hình phạt: "*Phạt tù từ 05 tháng đến 12 năm*".

[3] Xem xét về tính chất hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình nhưng cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới có tác dụng giáo dục, răn đe trong việc phòng, ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*".

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền 70.000.000 đồng; những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên có thể xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất hành vi của bị cáo và chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự và cũng đủ để răn đe và giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thời hạn tạm giam của bị cáo còn dưới 45 ngày nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn D: 59.400.000 đồng; anh Trương Ngọc A: 111.000.000 đồng và anh Nguyễn Chí Đ: 38.800.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Lê Văn D: 20.000.000 đồng, bồi thường cho anh Trương Ngọc A: 35.000.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Chí Đ: 15.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh Lê Văn D, anh Trương Ngọc A và anh Nguyễn Chí Đ yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường là có căn cứ nên chấp nhận: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho: anh Lê Văn D: 39.400.000 đồng; anh Trương Ngọc A: 76.000.000 đồng và anh Nguyễn Chí Đ 18.800.000 đồng

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Thị T** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.
2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt **Lê Thị T 36 (Ba mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 07 tháng 9 năm 2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự, xử: Buộc bị cáo Lê Thị T phải bồi thường cho: Anh Lê Văn D: 39.400.000 (*Ba mươi chín triệu bốn trăm nghìn*) đồng; anh Trương Ngọc A: 76.000.000 (*Bảy mươi sáu triệu*) đồng và anh Nguyễn Chí Đ 18.800.000 (*Mười tám triệu tám trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.355.000 (*Ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Công an TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Hương

